

PHỤ LỤC 1: TỔNG HỢP TIỀN ĐỘ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 (TÍNH ĐẾN NGÀY 31/3/2025)
(Kèm theo Báo cáo số 133 /BC-UBND ngày 04 /4/2025 của UBND huyện Sơn Hà)

TT	Đầu mối giao kế hoạch/Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn (triệu đồng)					Giải ngân đến ngày 31/3/2025		Ước giải ngân đến ngày 30/4/2025		Ghi chú
			Tổng số	Kế hoạch vốn được phép kéo dài	Kế hoạch vốn giao năm 2025			Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	
					XDCB tập trung	Nguồn thu tiền SDD	NSTW					
	HUYỆN SON HÀ		179.995,442	-	92.220,300	37.370,000	50.405,142	28.824,398	16%	49.205,690	27%	
A	NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU		37.370,000	-	-	37.370,000	-	3.703,000	10%	9.342,500	25%	
	Dự án chuyển tiếp		37.370,000	-	-	37.370,000	-	3.703,000	10%	9.342,500	25%	
1	Đường Giá Gỏi - Mô Níc (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ huyện	28.000,000			28.000,000		3.703,000	13%	7.000,000	25%	
2	Đường Tránh tây Thị trấn Di lằng	Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ huyện	9.370,000	-		9.370,000	-		0%	2.342,500	25%	
B	VỐN TỈNH PHÂN CẤP		38.218,000	-	38.218,000	-	-	10.098,240	26%	13.761,329	36%	
B1	Thực hiện nhiệm vụ quy hoạch		100,000	-	100,000	-	-		0%	-	0%	
1	Điều chỉnh Quy hoạch vùng huyện Sơn Hà	Phòng KT và HT	100,000	-	100,000	-	-		0%	-	0%	
B2	Phân bổ vốn phân cấp tối thiểu 30% để thực hiện Chương trình NTM và 20% để đầu tư ngành giáo dục		20.190,288	-	20.190,288	-	-	5.812,800	0,539	8.229,401	41%	
I	Phân bổ vốn phân cấp tối thiểu 30% để thực hiện Chương trình NTM		11.530,539	0,000	11.530,539	0,000	0,000	4.587,264	40%	6.064,464	53%	
*	Trả nợ dự án hoàn thành chương trình Nông thôn mới		4.242,439	-	4.242,439	0,000	0,000	2.375,765	56%	4.242,439	100%	
1	Đường GTNT thực hiện CT MTQG XD NTM xã Sơn Hạ năm 2019	UBND xã Sơn Hạ	300,000	-	300,000	-	-		0%	300,000	100%	
2	Đ. Thôn: Tuyến nhà Ông Tầm Ông Long - Xóm Đập	UBND xã Sơn Hạ	190,500		190,500			190,500	100%	190,500	100%	
3	Đ. xã: Tuyến Cà Tu - Xóm Đèo	UBND xã Sơn Hạ	417,000		417,000			416,999	100%	417,000	100%	
4	Đ. Thôn: Tuyến KDC Gò Bưởi	UBND xã Sơn Hạ	200,000		200,000			200,000	100%	200,000	100%	
5	Đ. Thôn: Tuyến Suối cầu - Xóm Trường	UBND xã Sơn Hạ	400,133	-	400,133	-	-	400,133	100%	400,133	100%	
6	Đ. Thôn: Tuyến Ông Trào Đá Đen	UBND xã Sơn Hạ	359,087		359,087			354,423	99%	359,087	100%	
7	Khu văn hóa, sân thể thao xã Sơn Hạ	UBND xã Sơn Hạ	440,000		440,000			357,861	81%	440,000	100%	
8	Đường BTXM tỉnh lộ 623 - xóm Làng mía	UBND xã Sơn Thượng	16,349		16,349				0%	16,349	100%	
9	Sân vận động xã Sơn Nham	UBND xã Sơn Nham	286,000		286,000				0%	286,000	100%	
10	Đ.thôn: Tuyến nhà Phạm Thanh Hùng và tuyến nhà ông Thọ - Ba Nam, thôn Canh Mo	UBND xã Sơn Nham	52,711		52,711				0%	52,711	100%	
11	Đường BTXM ĐH72-Bồ Nung	UBND xã Sơn Linh	463,251	0,000	463,251	0,000	0,000	455,849	98%	463,251	100%	
12	Đường giao thông thôn Mang Nà - Nước Bao (Nối tiếp)	UBND xã Sơn Bao	1.117,408		1.117,408				0%	1.117,408	100%	
*	Dự án chuyển tiếp chương trình Nông thôn mới		4.643,100	-	4.643,100	-	-	2.211,499	48%	1.160,775	25%	
1	Nâng cấp đường nội vùng (trung tâm xã) gồm: Đường Nội vùng từ nhà ông Thuận - nhà ông Dư; Đường nội vùng từ nhà ông Dư - nhà ông Ân; Đường nội vùng từ nhà ông Minh đến nhà ông Dư và Cầu xóm Tà Diều (thôn Bồ Nung)	BQLDA ĐTXD và PTQĐ	1.015,000	-	1.015,000	-	-	1.000,000	99%	1.000,000	99%	
2	Trường Mầm non Sơn Kỳ và Trường Tiểu học Sơn Kỳ	BQLDA ĐTXD và PTQĐ	610,000	-	610,000	-	-		0%	610,000	100%	
3	Đường BTXM nội đồng Bờ La ra cánh đồng Gò De, thôn Làng Trắng	UBND xã Sơn Kỳ	100,000		100,000			87,664	88%	100,000	100%	
4	Xây dựng trường Mầm non Hoa Mai (Điểm trường chính và điểm trường Gò Rộc) và Trường TH&THCS Sơn Trung (Điểm trường chính, Điểm trường Tà Mầu, Điểm Trường Làng Đèo)	BQLDA ĐTXD và PTQĐ	1.435,000		1.435,000				0%	1.435,000	100%	
5	Nâng cấp, mở rộng, chỉnh trang đường trung tâm xã (đoạn Trường TH&THCS xã - Khu sinh hoạt Văn hóa thể thao xã)	UBND xã Sơn Trung	120,000	-	120,000		-		0%	120,000	100%	
6	Trường MN Sơn Ca (Điểm trường chính và điểm trường Ka La)	BQLDA ĐTXD và PTQĐ	875,000		875,000			875,000	100%	875,000	100%	
7	Trường Tiểu học Sơn Linh (điểm trường chính)	UBND xã Sơn Linh	128,100		128,100			91,036	71%	128,100	100%	
8	Đường BTXM ĐH 72 – Nhà ông Rê – TTCX nối tiếp	UBND xã Sơn Linh	85,000		85,000			77,385	91%	85,000	100%	
9	Đường BTXM Nhà ông Bênh – Đồi Gò Rìn	UBND xã Sơn Linh	95,000		95,000			49,065	52%	95,000	100%	
10	Nâng cấp sửa chữa nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Làng Ghè	UBND xã Sơn Linh	40,000		40,000			31,349	78%	40,000	100%	
11	Đường nhà ông Trơ đi nhà ông Dôn (Làng Vệt)	UBND xã Sơn Thành	140,000		140,000				0%	140,000	100%	
*	Đối ứng thực hiện chương trình NTM 2025		2.645,000		2.645,000	0,000	0,000	0,000	0%	661,250	25%	

TT	Đầu mối giao kế hoạch/Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn (triệu đồng)					Giải ngân đến ngày 31/3/2025		Ước giải ngân đến ngày 30/4/2025		Ghi chú
			Tổng số	Kế hoạch vốn được phép kéo dài	Kế hoạch vốn giao năm 2025			Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	
					XDCB tập trung	Nguồn thu tiền SDD	NSTW					
1	Nối tiếp kênh mương đập Xã diều: từ cánh đồng Suối cầu - cánh đồng Gò Mỏ, thôn Trường Ka	UBND xã Sơn Hạ	176,875		176,875				0%	44,219	25%	
2	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Gò Ra	UBND xã Sơn Thành	105,000		105,000				0%	26,250	25%	
3	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Gò Rinh	UBND xã Sơn Thành	105,000		105,000				0%	26,250	25%	
4	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Gò Gạo	UBND xã Sơn Thành	105,000		105,000				0%	26,250	25%	
5	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Gò Chu	UBND xã Sơn Thành	60,000		60,000				0%	15,000	25%	
6	Xây dựng mới đập Bờ Reo, thôn Gò chu	UBND xã Sơn Thành	100,000		100,000				0%	25,000	25%	
7	Đường BTXM ông Giỏi - Gò Gu, Thôn Gia Ry (Nối tiếp)	UBND xã Sơn Trung	90,000		90,0				0%	22,500	25%	
8	Đường nội đồng xóm Suối	UBND xã Sơn Trung	50,000		50,0					12,500	25%	
9	Sửa chữa, nâng cấp kênh đập Tà Mầu	UBND xã Sơn Trung	65,000		65,0					16,250	25%	
10	Nối dài hệ thống cấp nước Di Lăng vào thôn Gia Ry (nối tiếp), đoạn từ xóm Suối thôn Gia Ry đến xóm Làng Đèo, thôn Làng Đèo	UBND xã Sơn Trung	90,000		90,0					22,500	25%	
11	Sửa chữa, nâng cấp, nối dài đường BTXM xóm Gò Rộc	UBND xã Sơn Trung	80,000		80,0					20,000	25%	
12	Sửa chữa, nâng cấp, hệ thống thoát nước tuyến đường từ Trạm Y tế xã - Khu sinh hoạt Văn hóa - thể thao xã Sơn Trung	UBND xã Sơn Trung	100,000		100,0					25,000	25%	
13	BTXM đường bà Nê - ông Nghiêng (Nối tiếp)	UBND xã Sơn Trung	80,000		80,0					20,000	25%	
14	Đường nội đồng Vọt Lít - Mang Cảnh	UBND xã Sơn Trung	65,000		65,0					16,250	25%	
15	Đường trục chính nội đồng Sân bóng Làng Nà đi Vọt Voi	UBND xã Sơn Trung	65,000		65,0					16,250	25%	
16	Sửa chữa, nâng cấp Đường Làng Đèo - Làng Trùm	UBND xã Sơn Trung	90,000		90,0					22,500	25%	
17	Đường BTXM Pa Lái – Gò Ven	UBND xã Sơn Trung	115,000		115,0					28,750	25%	
18	Đường nội đồng Tà Mầu - Bãi Nà (nối tiếp)	UBND xã Sơn Trung	50,000		50,0					12,500	25%	
19	Đường nội đồng Gò Ven - Vả So	UBND xã Sơn Trung	115,000		115,0					28,750	25%	
20	Sửa chữa, nâng cấp đường Làng Rin - Làng Lòn	UBND xã Sơn Trung	590,000		590,0					147,500	25%	
21	Nối tiếp Đường BTXM đoạn từ Sân Bóng cũ đến xóm Bờ Leo, thôn Làng trá, xã Sơn Cao	UBND xã Sơn Cao	60,000		60,000				0%	15,000	25%	
22	Xây mới 02 phòng học Trường TH &THCS Sơn Nham	UBND xã Sơn Nham	55,000		55,000				0%	13,750	25%	
23	Nâng cấp đường điện 04kv KDC xóm Đầu mối thôn Canh Mo	UBND xã Sơn Nham	25,000		25,000				0%	6,250	25%	
24	Đường BTXM ĐH 72 - nhà ông Đình Văn Hin thôn xóm Bàu Mi thôn Cạn Sơn	UBND xã Sơn Nham	15,000		15,000				0%	3,750	25%	
25	Đập + Kiên cố kênh mương ruộng Hin thôn Bàu Sơn	UBND xã Sơn Nham	40,000		40,000				0%	10,000	25%	
26	Xây mới đập và kênh mương Hóc só thôn Cạn Sơn	UBND xã Sơn Nham	40,000		40,000				0%	10,000	25%	
27	BTXM nối tiếp đường Gò Xếp, thôn Làng Rê	UBND xã Sơn Giang	40,000		40,000				0%	10,000	25%	
28	Nâng cấp đường ĐH.80	UBND xã Sơn Ba	73,125		73,125				0%	18,281	25%	
II	Phân bổ vốn phân cấp tối thiểu 20% để đầu tư ngành giáo dục		8.659,749		8.659,749	0,000	0,000	1.225,536	14%	2.164,937	25%	
*	Đối ứng ngân sách huyện thực hiện sự nghiệp giáo dục		1.659,749		1.659,749	0,000	0,000	932,637	56%	414,937	25%	
1	Trường Mầm non Sơn Ca, hạng mục: Xây dựng 04 phòng học 2 tầng, bếp ăn	Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ huyện	58,749		58,749			58,749	100%	58,749	100%	
2	Nâng cấp, sửa chữa trường mẫu giáo xã Sơn Hải	Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ huyện	84,000		84,000			84,000	100%	84,000	100%	
3	Trường Mầm non Sơn Ca (hạng mục: Xây mới tường rào, cổng ngõ và sửa chữa nhà vệ sinh)	Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ huyện	900,000		900,000			772,571	86%	900,000	100%	
4	Xây mới điểm trường Mầm non thôn Chàm Rao	UBND xã Sơn Nham	40,000		40,000				0%	10,000	25%	
5	Xây mới điểm trường Mầm non thôn Xà Nay	UBND xã Sơn Nham	40,000		40,000				0%	10,000	25%	
6	Nâng cấp, sửa chữa điểm trường Mầm Non Đèo Bứa, thôn Làng Rê	UBND xã Sơn Giang	25,000		25,000				0%	6,250	25%	
7	Xây dựng tường rào, sân nền, công trình vệ sinh điểm trường Mầm non Làng Lùng	UBND xã Sơn Giang	25,000		25,000				0%	6,250	25%	
8	Trường Mầm non Hoa Mai, hạng mục: điểm trường Tà Mầu	UBND xã Sơn Trung	68,000		68,000				0%	17,000	25%	
9	Xây mới 01 phòng học điểm trường TH&THCS Pa Rang	UBND xã Sơn Bao	24,000		24,000				0%	6,000	25%	
10	Xây dựng mới điểm trường Tiểu học thôn Xà Ấy	UBND xã Sơn Cao	50,000		50,000			17,317	35%	50,000	100%	

TT	Đầu mối giao kế hoạch/Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn (triệu đồng)					Giải ngân đến ngày 31/3/2025		Ước giải ngân đến ngày 30/4/2025		Ghi chú
			Tổng số	Kế hoạch vốn được phép kéo dài	Kế hoạch vốn giao năm 2025			Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	
					XDCB tập trung	Nguồn thu tiền SDD	NSTW					
11	Trường MN Sơn Thượng; Hạng mục: Xây dựng mới 01 phòng học tại điểm trường Bờ Reo	UBND xã Sơn Thượng	45,000		45,000				0%	11,250	25%	
12	Trường TH Sơn Thượng; Hạng mục: Xây dựng mới 01 phòng học tại điểm trường Làng Vồ	UBND xã Sơn Thượng	25,000		25,000				0%	6,250	25%	
13	Trường Mẫu giáo Sơn Thủy (Điểm Trường Làng Rào)	UBND xã Sơn Thủy	50,000		50,000				0%	12,500	25%	
14	Trường TH&THCS Sơn Thủy (Điểm Trường Làng Rào)	UBND xã Sơn Thủy	50,000		50,000				0%	12,500	25%	
15	Trường Mầm non Sơn Kỳ	UBND xã Sơn Kỳ	114,000		114,000				0%	28,500	25%	
16	Trường Tiểu học Sơn Kỳ	UBND xã Sơn Kỳ	61,000		61,000				0%	15,250	25%	
*	Xây dựng mới năm 2025		7.000,000	0,000	7.000,000	0,000	0,000	292,899	4%	1.750,000	25%	
1	Trường TH&THCS Sơn Bao	Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ huyện	5.800,000		5.800,000				0%	1.450,000	25%	
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Sơn Cao	Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ huyện	1.200,000		1.200,000			292,899	24%	600,000	50%	
B3	Bổ trí các dự án tập trung của huyện và đối ứng chương trình MTQG vùng đồng bào dân tộc thiểu số và Miền núi		9.527,712	-	9.527,712	-	-	2.845,247	30%	2.381,928	25%	
*	Đối ứng thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐB DTTS và MN		1.288,967		1.288,967	0,000	0,000	0,000	0%	322,242	25%	
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		517,500		517,500			-	0%	129,375	25%	
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		771,467		771,467			-	0%	192,867	25%	
*	Trả nợ dự án hoàn thành và dự án chưa bố trí đủ vốn		2.038,745	0,000	2.038,745	0,000	0,000	611,950	30%	509,686	25%	
1	Thị công khẩn cấp chống sạt lở tại núi Van Cà Vải TDP Làng Dầu, thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà	Phòng NN&PTNT	53,266		53,266				0%	13,317	25%	
2	Sửa chữa, nâng cấp kênh đập Bà Lâu, xã Sơn Nham	Phòng NN&PTNT	57,137		57,137				0%	14,284	25%	
3	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt Xã Ấy, Sơn Cao	Phòng NN&PTNT	68,637		68,637				0%	17,159	25%	
4	Dự án: Sửa chữa nhà văn hóa thôn Tà Pa, xã Sơn Thượng	UBND xã Sơn Thượng	2,888		2,888				0%	0,722	25%	
5	Nâng cấp, sửa chữa kênh mương đập Xã Ấy, xã Sơn Cao	Phòng NN&PTNT	710,088		710,088				0%	177,522	25%	
6	Khắc phục khẩn cấp cầu Tà Man II	BQL DA ĐTXD và PTQĐ huyện Sơn Hà	183,390		183,390				0%	45,848	25%	
7	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung Làng Trắng, xã Sơn Kỳ	BQL DA ĐTXD và PTQĐ huyện Sơn Hà	153,867		153,867				0%	38,467	25%	
8	Tường rào, cổng ngõ, nhà vệ sinh và BTXM đường vào nhà SHCĐ	UBND xã Sơn Kỳ	197,767		197,767			197,767	100%	49,442	25%	
9	Thao trường huấn luyện và căn cứ chiến đấu mô phỏng ; hạng mục: Hầm mô phỏng	BQLDA ĐTXD và PTQĐ	184,000		184,000			184,000	100%	46,000	25%	
10	Nâng cấp sửa chữa chợ Sơn Giang	UBND xã Sơn Giang	23,072		23,072				0%	5,768	25%	
11	Sửa chữa, nâng cấp cầu treo xã Sơn Thủy	UBND xã Sơn Thủy	1,376		1,376				0%	0,344	25%	
12	Đập dâng Xã Ấy	BQL DA ĐTXD và PTQĐ huyện Sơn Hà	173,074		173,074				0%	43,269	25%	
13	Khắc phục đảm bảo giao thông tuyến đường từ thôn Mò O đi Gò Đa, xã Sơn Ba	Phòng KT và HT	230,183		230,18			230,183	100%	57,546	25%	
*	Công trình khởi công mới năm 2025		6.200,000	0,000	6.200,000	0,000	0,000	2.233,297	36%	3.100,000	50%	
1	Đường BTXM từ QL 24B nhà ông Ngô đến ngã 3 đường Hoắc Cầm (nối tiếp)	Phòng KT và HT	1.150,000		1.150,000			366,526	32%	575,000	50%	
2	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường ĐH77 đi Làng Mừng; Lý trình: Km0+956,15– Km1+218,65 và Km1+681,00 –Km1+918,50	Phòng KT và HT	1.150,000		1.150,000			373,993	33%	575,000	50%	
3	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường ĐH 74 (Di Lăng - Sơn Trung) Lý trình: Km0+147,05 – Km0+322,45 và Km0+514,60 – Km0+674,88	Phòng KT và HT	1.150,000		1.150,000			364,941	32%	575,000	50%	

TT	Đầu mối giao kế hoạch/Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn (triệu đồng)					Giải ngân đến ngày 31/3/2025		Ước giải ngân đến ngày 30/4/2025		Ghi chú
			Tổng số	Kế hoạch vốn được phép kéo dài	Kế hoạch vốn giao năm 2025			Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	
					XDCB tập trung	Nguồn thu tiền SDD	NSTW					
4	Sửa chữa nâng cấp Đường UBND xã - Ka Ra, xã Sơn thành; Lý trình: Km0+5,00 – Km0+605,00	Phòng KT và HT	1.150,000		1.150,000			378,096	33%	575,000	50%	
5	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường ĐH 72 (Lý trình: Km6+850,00 - Km7+110,00)	Phòng KT và HT	1.150,000		1.150,000			362,492	32%	575,000	50%	
6	Nhà Sinh hoạt cộng đồng Tổ dân phố Di Lăng	UBND Thị trấn Di Lăng								-		
7	Sửa chữa nhà Sinh hoạt cộng đồng Tổ dân phố Gò Dếp	UBND Thị trấn Di Lăng								-		
8	Sửa chữa, nâng cấp Hội trường Hội trường UBND Thị trấn Di Lăng	UBND Thị trấn Di Lăng	450,000		450,000			387,249	86%	225,000	50%	
9	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc Phòng Tài chính - Kế hoạch	BQL DA ĐTXD và PTQĐ huyện Sơn Hà								-		
B4	Dự án chuyển tiếp		8.400,000	0,000	8.400,000	0,000	0,000	1.440,193	0,480	3.150,000	38%	0,000
1	Đường ĐH 72 (Sơn Nham – Sơn Kỳ)	BQL DA ĐTXD và PTQĐ huyện Sơn Hà	3.000,000		3.000,000				0%	750,000	25%	
2	Đường Hà Thành – Sơn Giang – Hải Giá (nối tiếp)	BQL DA ĐTXD và PTQĐ huyện Sơn Hà	3.000,000		3.000,000			1.440,193	48%	1.800,000	60%	
3	Đường ĐH.77 (Di Lăng - Sơn Bao)	BQL DA ĐTXD và PTQĐ huyện Sơn Hà	2.400,000		2.400,000				0%	600,000	25%	
C	Vốn NS tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình MTQG NTM		49.483,000		49.483,000	0,000	0,000	1.502,984	3%	12.370,750	25%	
	Xã Sơn Thành		19.000,000		19.000,00		-	227,25	-	4.750,000	25%	
	Xã Sơn Hạ		7.000,000		7.000,00		-	-	-	-	0%	
	Xã Sơn Kỳ		3.525,000		3.525,00		-	110,142	3%	881,250	25%	
	Xã Sơn Trung		14.800,000		14.800,00		-	-	0%	3.700,000	25%	
	Xã Sơn Linh		5.092,000		5.092,00		-	1.107,629	22%	1.273,000	25%	
	Xã Sơn Hải		66,000		66,00		-	57,965	88%	16,500	25%	
D	Vốn NS tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS&MN		4.519,300		4.519,30			631,936	14%	1.129,825	25%	
E	VỐN NSTW		50.405,142	-	-	-	50.405,142	12.888,238	26%	12.601,286	25%	
1	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS&MN		48.422,742	-	-	-	48.422,742	12.888,238	27%	12.105,686	25%	
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		10.302,000				10.302,00	1.460,000	14%	2.575,500	25%	
	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		-				-	-	0%	-	0%	
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc		34.325,742				34.325,74	8.942,964	26%	8.581,436	25%	
	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		3.248,000				3.248,00	2.146,940	66%	812,000	25%	
	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		547,000	-			547,00	338,334	62%	136,750	25%	
2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		1.982,400	-	-	-	1.982,400	-	0%	495,600	25%	
	Xã Sơn Thành		707,500				707,50	-	0%	176,875	25%	
	Xã Sơn Hạ		1.274,900				1.274,90	-	0%	318,725	25%	

Ghi chú: Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất trích 20%: 2.000 triệu đồng

PHỤ LỤC 2: TIẾN ĐỘ GIẢI NGÂN CHI TIẾT

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI HUYỀN SƠN HÀ GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: 2021-2025

Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương, Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện đối ứng

(Kèm theo Báo cáo số 133 /BC-UBND ngày 04 /4/2025 của UBND huyện Sơn Hà)

Đvt: triệu đồng																		
TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2025				Kết quả giải ngân đến 31/3/2025				Ước giải ngân đến 30/4/2025				Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
							NSTW	NS tỉnh	NS huyện									
	TỔNG CỘNG					54.231,009	48.422,742	4.519,300	1.288,967	13.520,174	12.888,238	631,936	-	27.141,453	24.374,122	2.058,597	708,734	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					11.850,500	10.302,000	1.031,000	517,500	1.460,000	1.460,000	-	-	6.197,250	5.423,000	515,500	258,750	
*	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất					11.850,500	10.302,000	1.031,000	517,500	1.460,000	1.460,000	-	-	6.197	5.423	516	259	-
1	Sơn Hạ	UBND xã Sơn Hạ				552,000	480,000	48,000	24,000	-	-	-	0	276	240	24	12	
2	Sơn Thành	UBND xã Sơn Thành				736,000	640,000	64,000	32,000	-				368	320	32	16	
3	Sơn Nham	UBND xã Sơn Nham				782,000	680,000	68,000	34,000	-				391	340	34	17	
4	Sơn Cao	UBND xã Sơn Cao				1.288,000	1.120,000	112,000	56,000	644,000	644,000			868	784	56	28	
5	Sơn Linh	UBND xã Sơn Linh				1.610,000	1.400,000	140,000	70,000	-				805	700	70	35	
6	Sơn Giang	UBND xã Sơn Giang				1.150,000	1.000,000	100,000	50,000	-				575	500	50	25	
7	Sơn Hải	UBND xã Sơn Hải				644,000	560,000	56,000	28,000	-				322	280	28	14	
8	Sơn Thủy	UBND xã Sơn Thủy				1.104,000	960,000	96,000	48,000	624,000	624,000			552	480	48	24	
9	Sơn Kỳ	UBND xã Sơn Kỳ				736,000	640,000	64,000	32,000	-				368	320	32	16	
10	Sơn Ba	UBND xã Sơn Ba				690,000	600,000	60,000	30,000	-	-	-	-	345	300	30	15	
11	Thị trấn Di Lăng	UBND xã Thị trấn Di Lăng				736,000	640,000	64,000	32,000	-				368	320	32	16	
12	Sơn Thượng	UBND xã Sơn Thượng				580,500	502,000	51,000	27,500	-				290	251	26	14	
13	Sơn Bao	UBND xã Sơn Bao				276,000	240,000	24,000	12,000	192,000	192,000			186	168	12	6	
14	Sơn Trung	UBND xã Sơn Trung				966,000	840,000	84,000	42,000	-				483	420	42	21	
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					38.476,509	34.325,742	3.379,300	771,467	9.533,719	8.942,964	590,755	-	17.484,453	15.560,872	1.473,597	449,984	-
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN					38.476,509	34.325,742	3.379,300	771,467	9.533,719	8.942,964	590,755	-	17.484,453	15.560,872	1.473,597	449,984	
*	Trả nợ công trình hoàn thành năm 2024					11.495,042	10.498,742	996,300	-	7.792,006	7.272,440	519,566	-	10.739,086	9.604,122	877,847	257,117	
1	Mở rộng, xây dựng đường BTXM: Đoạn ĐH 73 đến nhà bà Tổ, thôn Làng Rí	UBND xã Sơn Giang	Thôn Làng Rí, Xã Sơn Giang	2024		550,000	500,000	50,000		521,091	471,091	50,000		550,000	500,000	50,000		

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2025				Kết quả giải ngân đến 31/3/2025				Ước giải ngân đến 30/4/2025				Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
							NSTW	NS tỉnh	NS huyện									
2	Trường TH&THCS Sơn Trung (Điểm trường chính)	BQLDA ĐTXD và PTQĐ	thôn Làng Rìn, xã Sơn Trung	2024-2025		1.513,784	1.427,902	85,882		-				713,951	713,951			
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường mẫu giáo xã Sơn Hải	BQLDA ĐTXD và PTQĐ	thôn Tà Mát, xã Sơn Hải	2024		249,458	223,340	26,118		249,458	223,340	26,118	-	249,458	223,340	26,118	-	
4	Nâng cấp, sửa chữa nhà sinh hoạt cộng đồng tổ dân phố Nước Nía	UBND Thị trấn Di Lăng	TDP Nước Nía, thị trấn Di Lăng	2024-2025		334,000	286,000	48,000		-			-	334,000	286,000	48,000	-	
5	Đường BTXM ông Cảnh - ông Đê, thôn Làng Rìn	UBND xã Sơn Trung	Thôn Làng Rìn, xã Sơn Trung	2024		55,000	50,000	5,000		30,439	30,439			55,000	50,000	5,000		
6	Trường Mầm non Hoa Mai, hạng mục: điểm trường Tà Mầu	UBND xã Sơn Trung	thôn Tà Mầu, xã Sơn Trung	2024		935,000	850,000	85,000		599,585	599,585			748,000	680,000	68,000		
7	Đường Giao thông nông thôn, đoạn QL24B - Xóm Ô Trang	UBND xã Sơn Ba	Thôn Làng Ranh, xã Sơn Ba	2024		552,800	497,500	55,300		552,800	497,500	55,300		552,800	497,500	55,300		
8	Đường Giao thông nông thôn, đoạn Nhà ông Nhanh - Đập Nước Lem (nối tiếp từ Nhà ông Vành - Nhà ông Nhanh)	UBND xã Sơn Ba	Thôn Làng Ranh, xã Sơn Ba	2024		550,000	500,000	50,000		550,000	500,000	50,000		550,000	500,000	50,000		
9	Đường Giao thông nông thôn, đoạn nhà ông Oang - Nhà ông Đồ	UBND xã Sơn Ba	Thôn Di Hoảng, xã Sơn Ba	2024		580,000	550,000	30,000		580,000	550,000	30,000		580,000	550,000	30,000		
10	Đường giao thông nông thôn Mang Nà - Nước Bao (nối tiếp)	UBND xã Sơn Bao	Thôn Nước Bao, xã Sơn Bao	2024		660,000	600,000	60,000		660,000	600,000	60,000		660,000	600,000	60,000		
11	Đường BTXM QL 24 B (Tà Pía) - nhà ông Sanh (Làng Trắng)	UBND xã Sơn Hải	Thôn Tà Pía, Làng Trắng, xã Sơn Hải	2024-2025		598,000	544,000	54,000		575,677	537,248	38,429		575,677	537,248	38,429		
12	Nối tiếp đường BTXM từ Ngã ba Làng Mon - Xã Ấy (Đoạn từ nhà ông Lê Đức Tỉnh đến nhà ông Hà Chết)	UBND xã Sơn Cao	Thôn Xã Ấy, Xã Sơn Cao	2024		550,000	500,000	50,000		550,000	500,000	50,000		550,000	500,000	50,000		
13	Nối tiếp đường BTXM từ ngã ba Bỏ Gục - ông Ấp Làng Trắng	UBND xã Sơn Cao	Thôn Làng Trắng, xã Sơn Cao	2024		550,000	500,000	50,000		546,083	496,083	50,000		546,083	496,083	50,000		
14	Xây dựng mới điểm trường Tiểu học thôn Xã Ấy	UBND xã Sơn Cao	Thôn Xã Ấy, Xã Sơn Cao	2024		550,000	500,000	50,000		550,000	500,000	50,000		550,000	500,000	50,000		
15	Trường MN Sơn Thượng; Hạng mục: Xây dựng mới 01 phòng học tại điểm trường Bờ Reo	UBND xã Sơn Thượng	Thôn Bờ Reo, xã Sơn Thượng	2024		110,000	100,000	10,000		-				110,000	100,000	10,000		
16	Đường BTXM Suối Vua – xóm ông Sanh, thôn Làng Rào	UBND xã Sơn Thủy	Thôn Làng Rào, xã Sơn Thủy	2024		550,000	500,000	50,000		512,925	500,000	12,925	-	807,117	500,000	50,000	257,117	
17	Trường Mầm non Sơn Kỳ	UBND xã Sơn Kỳ	xã Sơn Kỳ	2024-2025		1.726,000	1.560,000	166,000		1.313,948	1.267,154	46,794		1.726,000	1.560,000	166,000		
18	Trường Tiểu học Sơn Kỳ	UBND xã Sơn Kỳ	xã Sơn Kỳ	2024-2025		715,000	659,000	56,000		-				715,000	659,000	56,000		
19	Nâng cấp đường nội vùng từ nhà ông Khoanh đến điểm trường Mô Nic	UBND xã Sơn Kỳ	xã Sơn Kỳ	2024-2025		166,000	151,000	15,000		-				166,000	151,000	15,000		
	Khởi công mới năm 2025					26.981,467	23.827,000	2.383,000	771,467	1.741,713	1.670,524	71,189	-	6745,36675	5.956,75	595,750	192,867	
1	Nâng cấp Đường BTXM vào KDC mới Nước Nía	UBND Thị trấn Di Lăng	TDP Nước Nía, Thị trấn Di Lăng	2025		400,000	348,000	35,000	17,000	-				100,000	87	8,750	4,250	

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2025				Kết quả giải ngân đến 31/3/2025				Ước giải ngân đến 30/4/2025				Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
							NSTW	NS tỉnh	NS huyện									
2	Đường ĐH74-xóm 3 nhà	UBND xã Sơn Trung	Thôn Làng Đèo, xã Sơn Trung	2025		805,000	700,000	70,000	35,000	-	-	-	-	201,250	175	17,500	8,750	-
3	Đường QL 24B - xóm 5 nhà	UBND xã Sơn Trung	Thôn Tà Mầu, Xã Sơn Trung	2025		690,000	600,000	60,000	30,000	179,000	179,000			172,500	150	15,000	7,500	
4	Đường Giao thông nông thôn Làng Ranh Ca Tu	UBND xã Sơn Ba	Thôn Làng Ranh, xã Sơn Ba	2025		1.150,000	1.000,000	100,000	50,000	-				287,500	250	25,000	12,500	
5	Xây mới phòng học bộ môn Trường THCS Sơn Ba	UBND xã Sơn Ba	Thôn Làng Ranh, xã Sơn Ba	2025		805,000	700,000	70,000	35,000	-				201,250	175	17,500	8,750	
6	Nhà Văn hóa thôn Làng Mừng	UBND xã Sơn Bao	Thôn Làng Mừng, xã Sơn Bao	2025		1.150,000	1.000,000	100,000	50,000	-				287,500	250	25,000	12,500	
7	Nâng cấp, sửa chữa trường Mầm non Hướng Dương	UBND xã Sơn Bao	Thôn Tà Lương, xã Sơn Bao	2025		920,000	800,000	80,000	40,000	-				230,000	200	20,000	10,000	
8	Đường BTXM Tà Gắn - Khu ĐC Tà Pía - xóm Kà Và	UBND xã Sơn Hải	Thôn Tà Pía, Xã Sơn Hải	2025		2.700,000	2.348,000	235,000	117,000	-				675,000	587	58,750	29,250	
9	Nối tiếp đường BTXM từ nhà chị Su đến nhà bà Ría, Xã Ấy	UBND xã Sơn Cao	Thôn Xã Ấy, Xã Sơn Cao	2025		1.150,000	1.000,000	100,000	50,000	297,454	297,454			287,500	250	25,000	12,500	
10	Nối tiếp: Đường BTXM từ nhà ông Lót - Sân bóng cũ tại thôn Làng Trá.	UBND xã Sơn Cao	Thôn Làng Trá, xã Sơn Cao	2025		1.150,000	1.000,000	100,000	50,000	372,259	301,070	71,189		287,500	250	25,000	12,500	
11	Đường BTXM từ tỉnh lộ 623 đi đến nhà ông Chiến	UBND xã Sơn Thượng	Thôn Làng Vồ, xã Sơn Thượng	2025		920,000	800,000	80,000	40,000	-				230,000	200	20,000	10,000	
12	Đường BTXM từ Tà Hoảng đi Làng Trang	UBND xã Sơn Thượng	Thôn Làng Vồ, xã Sơn Thượng	2025		1.380,000	1.200,000	120,000	60,000	-				345,000	300	30,000	15,000	
13	Đường BTXM từ Tà Hoảng đi Làng Trùm (nối tiếp)	UBND xã Sơn Thượng	Thôn Nước Tắm, xã Sơn Thượng	2025		920,000	800,000	80,000	40,000	-	-	-	-	230,000	200	20,000	10,000	
14	Đường nhà Ô. Thang đến Ô. K Đép thôn Giá Gối	UBND xã Sơn Thủy	Thôn Giá Gối, xã Sơn Thủy	2025		1.150,000	1.000,000	100,000	50,000	299,000	299,000			287,500	250	25,000	12,500	
15	Mương đập Suối Tà Gầm	UBND xã Sơn Thủy	Thôn Tà Com, xã Sơn Thủy	2025		1.150,000	1.000,000	100,000	50,000	295,000	295,000	-	-	287,500	250	25,000	12,500	
16	Nâng cấp đường ĐH.80	UBND xã Sơn Ba	xã Sơn Ba	2025		3.149,000	2.863,000	286,000		-	-			787,250	716	71,500	-	
17	Nối tiếp Đường BTXM đoạn từ Sân Bóng cũ đến xóm Bờ Leo, thôn Làng trá, xã Sơn Cao	UBND xã Sơn Cao	xã Sơn Cao	2025		1.285,000	1.168,000	117,000		299,000	299,000			321,250	292	29,250	-	
18	Xây mới 02 phòng học Trường TH &THCS Sơn Nham	UBND xã Sơn Nham	Thôn Xã Nay, Xã Sơn Nham	2025		1.210,000	1.100,000	110,000		-				302,500	275	27,500	-	
19	Nâng cấp đường điện 04kv KDC xóm Đầu mối thôn Canh Mo	UBND xã Sơn Nham	Thôn Canh Mo, Xã Sơn Nham	2025		550,000	500,000	50,000		-				137,500	125	12,500	-	
20	Đường BTXM ĐH 72 - nhà ông Đình Văn Hìn thôn xóm Bàu Mì thôn Cận Sơn	UBND xã Sơn Nham	Thôn Cận Sơn, Xã Sơn Nham	2025		330,000	300,000	30,000		-				82,500	75	7,500	-	
21	Đập + Kiên cố kênh mương ruộng Hìn thôn Bàu Sơn	UBND xã Sơn Nham	Thôn Bàu Sơn, Xã Sơn Nham	2025		880,000	800,000	80,000		-				220,000	200	20,000	-	
22	Xây mới đập và kênh mương Hóc só thôn Cận Sơn	UBND xã Sơn Nham	Thôn Cận Sơn, Xã Sơn Nham	2025		880,000	800,000	80,000		-				220,000	200	20,000	-	
23	BTXM nối tiếp đường Gò Xếp, thôn Làng Rê	UBND xã Sơn Giang	Thôn Làng Rê, Xã Sơn Giang	2025		880,000	800,000	80,000		-				220,000	200	20,000	-	

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2025				Kết quả giải ngân đến 31/3/2025				Ước giải ngân đến 30/4/2025				Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
							NSTW	NS tỉnh	NS huyện									
24	BTXM nối tiếp đoạn đường từ nhà ông Lã - Nhà ông Đại, thôn Tà Đình	UBND xã Sơn Giang	Thôn Tà Đình, Xã Sơn Giang	2025		342,467	300,000	30,000	12,467	-	-	-	-	85,617	75	7,500	3,117	
25	Mở rộng, BTXM đường sân bóng Gò Đồn - cây xăng Thanh Tuấn	UBND xã Sơn Giang	Thôn Đồng Giang, Xã Sơn Giang	2025		1.035,000	900,000	90,000	45,000	-				258,750	225	22,500	11,250	
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực					3.302,000	3.248,000	54,000	-	2.174,940	2.146,940	28,000	-	3080,75	3.046,250	34,500	-	-
	Tiểu Dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ					3.302,000	3.248,000	54,000	-	2.174,940	2.146,940	28,000	-	3080,75	3.046,250	34,500	-	-
	Trả nợ công trình quyết toán hoàn thành					3.007,000	2.979,000	28,000	-	2.174,940	2.146,940	28,000	-	3007	2.979,000	28,000	-	-
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS huyện Sơn Hà	BQLDA ĐTXD và PTOĐ	thị trấn Di Lăng	2022-2024		1.679,500	1.651,500	28,000		1.210,610	1.182,610	28,000		1679,5	1.651,500	28,000		
2	Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Sơn Ba	BQLDA ĐTXD và PTOĐ	xã Sơn Ba	2022-2024		1.327,500	1.327,500	-		964,330	964,330			1327,5	1.327,500			
	Khởi công mới năm 2025					295,000	269,000	26,000	-	-	-	-	-	73,75	67,250	6,500	-	-
1	Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Sơn Ba; Hạng mục: Nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc	UBND xã Sơn Ba	xã Sơn Ba	2025		295,000	269,000	26,000		-				73,75	67,250	6,500		
V	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch					602,000	547,000	55,000	-	351,515	338,334	13,181	-	379,000	344,000	35,000	-	-
	Trả nợ công trình hoàn thành					379,000	344,000	35,000	-	351,515	338,334	13,181	-	379,000	344,000	35,000	-	-
1	Dự án Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tại Khu trung tâm bảo tồn văn hóa dân tộc Hrê tỉnh Quảng Ngãi tại huyện Sơn Hà	BQLDA ĐTXD và PTOĐ	Thị trấn Di Lăng	2024-2025		379,000	344,000	35,000		351,515	338,334	13,181	-	379,000	344,000	35,000	-	
	Khởi công mới năm 2025					223,000	203,000	20,000	-	-	-	-	-	0	-	-	-	-
1	Nâng cấp, sửa chữa nhà Văn hóa thôn Xã Ấy, xã Sơn Cao	UBND xã Sơn Cao	xã Sơn Cao	2025		223,000	203,000	20,000		-				0	-	-	-	-

PHỤ LỤC 3: TIẾN ĐỘ GIẢI NGÂN CHI TIẾT
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
(Kèm theo Báo cáo số 133 /BC-UBND ngày 04 /4/2025 của UBND huyện Sơn Hà)

DVT: Triệu đồng

TT	Dự án/dnh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công và hoàn thành	Kế hoạch vốn năm 2025				Kết quả giải ngân đến 31/3//2025				Ước giải ngân đến 30/4/2025				Ghi chú
					Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	NS tỉnh	NS huyện	Tổng số	Ngân sách Trung ương	NS tỉnh	NS huyện	Tổng số	Ngân sách Trung ương	NS tỉnh	NS huyện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng cộng				51.465,400	1.982,400	49.483,000	-	1.502,984	-	1.502,984	-	5.253,750	495,600	12.483,250	-	-
A	Công trình chuyển tiếp và khởi công mới				51.315,400	1.982,400	49.333,000	-	1.445,019	-	1.445,019	-	5.103,750	495,600	12.333,250	-	
I	Xã Sơn Hạ				19.707,500	707,500	19.000,000	-	-	-	-	-	4.926,875	176,875	4.750,000	-	
1	Nối tiếp kênh mương đập Xã điệu: từ cánh đồng Suối cầu - cánh đồng Gò Mỏ, thôn Trường Ka	UBND xã Sơn Hạ	xã Sơn Hạ, huyện Sơn Hà	2025	707,500	707,500			-	-			176,875	176,875	-		
2	Nâng cấp các tuyến đường trên địa bàn xã Sơn Hạ	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện	xã Sơn Hạ, huyện Sơn Hà	2025	19.000,000		19.000,000		-					-	4.750,000		
II	Xã Sơn Thành				8.274,900	1.274,900	7.000,000	-	227,248	-	227,248	-	318,725	318,725	1.750,000	-	
1	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Gò Ra	UBND xã Sơn Thành	xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà	2025	245,000	245,000			-	-			61,250	61,250	-		
2	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Gò Rinh	UBND xã Sơn Thành	xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà	2025	245,000	245,000			-	-		-	61,250	61,250	-	-	
3	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Gò Gạo	UBND xã Sơn Thành	xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà	2025	244,900	244,900			-	-			61,225	61,225	-		
4	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Gò Chu	UBND xã Sơn Thành	xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà	2025	140,000	140,000			-				35,000	35,000	-		
5	Xây dựng mới đập Bờ Reo, thôn Gò chu	UBND xã Sơn Thành	xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà	2025	400,000	400,000			-				100,000	100,000	-		
6	Xây mới đập Tà Vin, thôn Láng Vệt, xã Sơn Thành	UBND xã Sơn Thành	xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà	2025	1.000,000		1.000,000							-	250,000		
7	Sửa chữa, nâng cấp đường Gò Đá - Gò Deo - UBND xã Sơn Thành	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện	xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà	2025	6.000,000		6.000,000		227,248		227,248			-	1.500,000		
III	Xã Sơn Kỳ				3.525,000	-	3.525,000	-	110,142	-	110,142	-	881,250	-	881,250	-	
1	Nâng cấp đường nội vùng (trung tâm xã) gồm: Đường Nội vùng từ nhà ông Thuận - nhà ông Dư; Đường nội vùng từ nhà ông Dư - nhà ông Ân; Đường nội vùng từ nhà ông Minh đến nhà ông Dư và Cầu xóm Tà Diều (thôn Bỏ Nung)	BQLDA ĐTXD và PTQĐ	xã Sơn Kỳ, huyện Sơn Hà	2024 - 2025	3.525,000		3.525,000		110,142		110,142		881,250	-	881,250		
IV	Xã Sơn Trung				14.800,000	-	14.800,000	-	-	-	-	-	-	-	3.700,000	-	
1	Đường BTXM ông Giời - Gò Gu, Thôn Gia Ry (Nối tiếp)	UBND xã Sơn Trung	xã Sơn Trung	2025	810,000		810,0							-	202,500		
2	Đường nội đồng xóm Suối	UBND xã Sơn Trung	xã Sơn Trung	2025	450,000		450,0							-	112,500		
3	Sửa chữa, nâng cấp kênh đập Tà Màu	UBND xã Sơn Trung	xã Sơn Trung	2025	585,000		585,0							-	146,250		
4	Nối dài hệ thống cấp nước Di Lăng vào thôn Gia Ry (nối tiếp), đoạn từ xóm Suối thôn Gia Ry đến xóm Lăng Đèo, thôn Lăng Đèo	UBND xã Sơn Trung	xã Sơn Trung	2025	810,000		810,0							-	202,500		
5	Sửa chữa, nâng cấp, nối dài đường BTXM xóm Gò Rộc	UBND xã Sơn Trung	xã Sơn Trung	2025	720,000		720,0							-	180,000		
6	Sửa chữa, nâng cấp, hệ thống thoát nước tuyến đường từ Trám Y tế xã - Khu sinh hoạt Văn hóa - thể thao xã Sơn Trung	UBND xã Sơn Trung	xã Sơn Trung	2025	900,000		900,0							-	225,000		
7	BTXM đường bà Nê - ông Nghiêng (Nối tiếp)	UBND xã Sơn Trung	xã Sơn Trung	2025	720,000		720,0							-	180,000		
8	Đường nội đồng Vọt Lít - Mang Cảnh	UBND xã Sơn Trung	xã Sơn Trung	2025	585,000		585,0							-	146,250		

TT	Dự án/dnh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công và hoàn thành	Kế hoạch vốn năm 2025				Kết quả giải ngân đến 31/3/2025				Ước giải ngân đến 30/4/2025				Ghi chú
					Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	NS tỉnh	NS huyện	Tổng số	Ngân sách Trung ương	NS tỉnh	NS huyện	Tổng số	Ngân sách Trung ương	NS tỉnh	NS huyện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
9	Đường trục chính nội đồng Sân bóng Làng Nà đi Vọt Vọi	UBND xã Sơn Trung	xã Sơn Trung	2025	585,000		585,0							-	146,250		
10	Sửa chữa, nâng cấp Đường Làng Đèo - Làng Trùm	UBND xã Sơn Trung	xã Sơn Trung	2025	810,000		810,0							-	202,500		
11	Đường BTXM Pa Lái – Gò Ven	UBND xã Sơn Trung	xã Sơn Trung	2025	1.035,000		1.035,0							-	258,750		
12	Đường nội đồng Tà Mầu - Bãi Nà (nối tiếp)	UBND xã Sơn Trung	xã Sơn Trung	2025	450,000		450,0							-	112,500		
13	Đường nội đồng Gò Ven - Vá So	UBND xã Sơn Trung	xã Sơn Trung	2025	1.035,000		1.035,0							-	258,750		
14	Sửa chữa, nâng cấp đường Làng Rìn - Làng Lòn	UBND xã Sơn Trung	xã Sơn Trung	2025	5.305,000		5.305,0							-	1.326,250		
V	Xã Sơn Linh				5.008,000	-	5.008,000	-	1.107,629	-	1.107,629	-	1.252,000	-	1.252,000	-	
1	Trường MN Sơn Ca (Điểm trường chính và điểm trường Ka La)	BQLDA ĐTXD và PTQĐ	xã Sơn Linh, huyện Sơn Hà	2024-2025	4.855,000		4.855,000		1.107,629		1.107,629		1.213,750	-	1.213,750		
2	Trường Tiểu học Sơn Linh (điểm trường chính)	UBND xã Sơn Linh	xã Sơn Linh, huyện Sơn Hà	2024-2025	153,000		153,000		-				38,250	-	38,250		
B	Trả nợ QT dự án hoàn thành				150,000	-	150,000	-	57,965	-	57,965	-	150,000	-	150,000	-	-
1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Làng Lành, xã Sơn Hải	UBND xã Sơn Hải	UBND xã Sơn Hải	2022 - 2023	66,000		66,000		57,965		57,965		66,000	-	66,000		
2	Hệ thống cấp nước sinh hoạt trung tâm cụm xã Sơn Linh, xã Sơn Linh huyện Sơn Hà	UBND xã Sơn Linh	UBND xã Sơn Linh	2023 - 2024	84,000		84,000		-		-		84,000	-	84,000		